

C. Phương

Mã nhận dạng : 003028

Trang : 1/2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Nhập môn chuyên ngành điều khiển tự động (228281) - Nhóm 04**

CBGD: **Nguyễn Thị Lan Phương (280017)**

Số SV có mặt: 17
Số bài thi: 17
Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Ng. T. L. Phương</i>	<i>Mark NTLan</i>	<i>Ng. T. L. Phương</i>	<i>Mark NTLan</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150100	VÕ THÀNH LONG	21/11/2004	CCQ2215D							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122150048	NGUYỄN ANH THỊNH	10/12/2004	CCQ2215D							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122150016	NGUYỄN XUÂN THỊNH	28/06/2004	CCQ2215B			<i>Thinh</i>	6.3	7.5	7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122150085	VÕ ĐỨC THỊNH	16/11/2004	CCQ2215D			<i>Thinh</i>	7.7	7.5	7.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122150025	PHAN NGỌC THÔNG	21/03/2004	CCQ2215B			<i>Thinh</i>	7.7	7.8	7.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122150055	HUỖNH THUẬN	18/09/2004	CCQ2215D			<i>Thuan</i>	9.4	8.3	8.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122150073	VŨ TRỌNG THUẬN	28/08/2004	CCQ2215D			<i>Thuan</i>	8.2	7.5	7.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122150071	TÔ MINH TIẾN	30/05/2003	CCQ2215D							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122150006	NGUYỄN THÀNH TÍNH	20/04/2004	CCQ2215B			<i>Thinh</i>	9.4	7.8	8.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122150062	BÙI NGUYỄN THIÊN TOÀN	02/09/2004	CCQ2215D							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122150084	NGUYỄN TRỌNG TRI	21/09/2004	CCQ2215D			<i>Tri</i>	9.4	8.3	8.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122150019	NGUYỄN MINH TRÍ	01/11/2003	CCQ2215B			<i>Tri</i>	7.5	7.8	7.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122150009	PHẠM NGUYỄN HOÀI TRÍ	22/01/2004	CCQ2215B			<i>Tri</i>	8.2	7.3	7.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122150042	ĐẶNG CÔNG TRINH	26/04/2004	CCQ2215B			<i>Trinh</i>	8.0	8.0	8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122150092	CHÂU THANH TRỌNG	22/08/2004	CCQ2215D			<i>Trong</i>	7.7	6.8	7.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122150051	HỒ ĐỨC TRỌNG	02/07/2004	CCQ2215D			<i>Trong</i>	9.4	8.0	8.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122150030	HỒ QUANG TRUNG	28/10/2004	CCQ2215B			<i>Trung</i>	8.2	7.3	7.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122150097	NGUYỄN BÙI NHẬT TRUNG	04/10/2004	CCQ2215D							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122150014	NGUYỄN VĂN TRUYỀN	25/10/2004	CCQ2215B							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122150031	NGUYỄN MINH TRỰC	17/02/2004	CCQ2215B			<i>Truc</i>	8.4	7.8	8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Nhập môn chuyên ngành điều khiển tự động (228281) - Nhóm 04**

CBGD: **Nguyễn Thị Lan Phương (280017)**

Số SV có mặt: 17
Số bài thi: 17
Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>gmpz</i> Ng. T. L. Phương	<i>mak</i> NTLan	<i>gmpz</i> Ng. T. L. Phương	<i>mak</i> NTLan

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150012	NGUYỄN VĂN VÀNG	27/11/2004	CCQ2215B							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122150056	PHAN VĂN VI	06/11/2004	CCQ2215D			<i>V</i>	6.4	6.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122150096	TÔ TUẤN	14/10/2004	CCQ2215B			<i>Việt</i>	7.4	8.0	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122150076	PHAN VĂN NGỌC	08/08/2004	CCQ2215D							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122150010	TRẦN NHƯ TUẤN	19/10/2003	CCQ2215B			<i>Việt</i>	7.3	6.8	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9